TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983; Nơi cư trú: Ấp HM, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang (nay là ấp HM, xã PT, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn Tr, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp LT, xã LPT, tỉnh Đồng Tháp).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2025, chị Trần Thị Thu Th trình bày: Vào năm 2007, chị và anh Võ Văn Tr sau thời gian tìm hiểu nhau thì

về chung sống với nhau nhưng không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang (nay là xã PT, tỉnh An Giang). Sau khi cưới thì chị và anh Tr cùng đi làm thuê ở Bình Dương. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm trong gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn Tr. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Tr có được 01 con chung Võ Nhật Tr1, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2004, nay cháu Tr1 đã trưởng thành, tự chăm lo cho cuộc sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Võ Văn Tr đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th được ly hôn với anh Võ Văn Tr; về nuôi con chung: Cháu Võ Nhật Tr1, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2004, đã trưởng thành, tự chăm lo cho cuộc sống được, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu Th trình bày không có, còn anh Võ Văn Tr không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu Th và anh Võ Văn Tr là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu Th đối với anh Võ Văn Tr, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Th thì cuộc sống của chị và anh Tr không còn hạnh phúc từ năm 2013 do phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc, cả hai đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Th và anh Tr hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Trần Thị Thu Th ly hôn với anh Võ Văn Tr.

[4] Về việc nuôi con chung: Võ Nhật Tr1, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2004, đã trưởng thành, tự chăm lo cho cuộc sống được, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu Th cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Võ Văn Tr không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu Th, cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu Th và anh Võ Văn Tr.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu Th chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014773 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã PT, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng